

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Số: 426/QĐ-CDKT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Chương trình đào tạo
Ngành Công tác xã hội, trình độ cao đẳng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 620/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kinh tế TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 41/2005/QĐ-UB ngày 07 tháng 03 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh về việc chuyển Trường Cao đẳng Kinh tế TP. Hồ Chí Minh sang trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ vào Thông tư số 26/2020/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Quy định xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 128/QĐ-CDKT ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kinh tế TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Biên bản họp ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo ngành Công tác xã hội, trình độ cao đẳng;

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này, chương trình đào tạo:

Tên ngành: **Công tác xã hội**

Mã ngành: **6760101**

Trình độ đào tạo: **Cao đẳng**

Khối lượng kiến thức: **90 tín chỉ**

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, được áp dụng cho các khóa tuyển sinh từ năm học 2021 – 2022.

Điều 3. Trường các đơn vị trực thuộc và sinh viên Trường Cao đẳng Kinh tế TP. Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

Trần Văn Tú

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số 426/QĐ-CDKT ngày 15 tháng 9 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế TP. Hồ Chí Minh)

Tên ngành, nghề:	Công tác xã hội
Mã ngành, nghề:	6760101
Trình độ đào tạo:	Cao đẳng
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Đối tượng tuyển sinh:	Tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương
Thời gian đào tạo:	2,5 năm

1. Mục tiêu đào tạo:

1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình Công tác xã hội được xây dựng theo định hướng ứng dụng, nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng và giá trị cần thiết để sau khi tốt nghiệp trở thành nhân viên công tác xã hội chuyên nghiệp có thể làm việc trong các cơ quan cung cấp dịch vụ xã hội nhà nước hoặc tư nhân như các trung tâm công tác xã hội, cơ sở xã hội, bệnh viện, trường học, cơ sở cai nghiện, trường giáo dưỡng, tổ chức phi chính phủ trong nước và quốc tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Mô tả được lịch sử phát triển của ngành công tác xã hội trên thế giới và ở Việt Nam với tư cách vừa là một ngành khoa học và vừa là một nghề chuyên môn trong một xã hội phát triển.
- Trình bày được sự phát triển của con người ở các mặt thể chất, nhận thức và tâm lý xã hội qua các giai đoạn phát triển khác nhau; đồng thời lý giải được mối liên hệ mật thiết giữa hành vi con người và môi trường xã hội.
- Vận dụng các lý thuyết công tác xã hội và các phương pháp thực hành công tác xã hội tổng quát vào quá trình hỗ trợ các hệ thống thân chủ khác nhau từ cá nhân, gia đình, nhóm đến cộng đồng.
- Vận dụng các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp cũng như các yêu cầu về tư cách đạo đức nghề nghiệp công tác xã hội; và biết cách thể hiện chúng quá trình hành nghề công tác xã hội.
- Phân tích được các vấn đề xã hội trong bối cảnh phát triển của Việt Nam và vận dụng các hiểu biết về chính sách xã hội trong quá trình cung cấp các dịch vụ an sinh xã hội trợ giúp thân chủ.

1.2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Kỹ năng chuyên môn
 - Thể hiện hành vi mang tính đạo đức và chuyên nghiệp trong thực hành.
 - Ứng xử hiệu quả đối với sự đa dạng thân chủ trong quá trình thực hành.
 - Thực hành nghề dựa trên các kết quả nghiên cứu.
 - Thiết lập quan hệ với cá nhân, nhóm và cộng đồng.
 - Thu hút sự tham gia của thân chủ vào quá trình trợ giúp.
 - Đánh giá cá nhân, nhóm và cộng đồng.
 - Lập kế hoạch và triển khai can thiệp với cá nhân, nhóm và cộng đồng.
 - Lượng giá can thiệp với cá nhân, nhóm và cộng đồng.
- Kỹ năng mềm
 - Kỹ năng giao tiếp.
 - Kỹ năng làm việc nhóm
 - Kỹ năng ngoại ngữ
 - Kỹ năng tin học
 - Kỹ năng tự học và phát triển bản thân.

1.2.3. Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm:

- Tôn trọng pháp luật và các quy định tại nơi làm việc, tuân thủ quy điều đạo đức nghề, sẵn sàng đảm nhiệm các công việc được giao.
- Làm việc độc lập hoặc theo nhóm, giải quyết công việc hoặc vấn đề trong điều kiện làm việc thay đổi.
- Có thái độ ứng xử và giải quyết vấn đề nghiệp vụ hợp lý, có tinh thần hợp tác, có tác phong công nghiệp và chủ động thực hiện công việc được giao.
- Hướng dẫn và giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
- Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

- Vị trí việc làm: Sau khi tốt nghiệp, người học có thể làm việc tại các vị trí sau: nhân viên xã hội tổng quát, chuyên viên tham vấn tâm lý, nhân viên xã hội trẻ em, nhân viên xã hội bệnh viện, nhân viên xã hội học đường/nhân viên xã hội trường học, nhân viên xã hội tư pháp, tác viên cộng đồng/chuyên viên phát triển cộng đồng, nhà quản lý dự án (xã hội/phát triển cộng đồng).
- Cơ hội phát triển nghề nghiệp: Sau một thời gian làm việc, khi tích lũy được nhiều kinh nghiệm và có đủ năng lực, điều kiện theo quy định, người làm việc có thể phát triển nghề nghiệp theo các hướng:

- Học liên thông nâng cao lên bậc đại học chuyên ngành công tác xã hội.

- Điều phối viên hoặc quản lý chương trình, dự án phát triển cộng đồng.
- Giám đốc, nhà quản lý các trung tâm, nhà mở, các cơ sở xã hội.
- Kiểm huấn viên, nhà nghiên cứu hay cán bộ chính sách xã hội.
- Làm việc tại các cơ sở nghiên cứu đào tạo liên quan đến công tác xã hội.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian đào tạo:

- Số lượng môn học: **32 môn học**
- Khối lượng kiến thức toàn khóa: **90 tín chỉ**
- Khối lượng các môn học đại cương: **435 giờ**
- Khối lượng các môn học chuyên môn: **1620 giờ**
- Khối lượng lý thuyết: **823 giờ**; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: **1232 giờ**

3. Nội dung chương trình

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành	Thi/ kiểm tra
I	Môn học chung đại cương	20(11,9)	435	175	239	21
MH01	Giáo dục Chính trị	4(3,1)	75	41	29	5
MH02	Pháp luật	2(2,0)	30	18	10	2
MH03	Tin học	3(1,2)	75	15	58	2
MH04	Tiếng Anh (1)	3(2,1)	60	30	28	2
MH05	Tiếng Anh (2)	3(2,1)	60	30	28	2
MH06	Giáo dục thể chất 1 (*)	1(0,1)	30	3	25	2
MH07	Giáo dục thể chất 2 (*)	1(0,1)	30	2	26	2
MH08	Giáo dục Quốc phòng và an ninh (*)	3(1,2)	75	36	35	4
II	Môn học giáo dục nghề nghiệp	70(44,26)	1620	648	919	53
	<i>Môn học cơ sở ngành</i>	<i>22(19,3)</i>	<i>375</i>	<i>275</i>	<i>84</i>	<i>16</i>
MH09	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2(1,1)	45	15	28	2
MH10	Tâm lý học đại cương	3(3,0)	45	43	0	2
MH11	Xã hội học đại cương	3(3,0)	45	43	0	2
MH12	Thống kê xã hội	2(1,1)	45	15	28	2
MH13	Hành vi con người và môi trường xã hội	3(3,0)	45	43	0	2

MH14	An sinh xã hội và vấn đề xã hội	3(3,0)	45	43	0	2
MH15	Nhập môn công tác xã hội	3(3,0)	45	43	0	2
MH16	Tham vấn căn bản	3(2,1)	60	30	28	2
	Môn học bắt buộc chuyên ngành	36(17,19)	1005	253	723	29
MH17	Công tác xã hội với cá nhân và gia đình	3(2,1)	60	30	28	2
MH18	Công tác xã hội với nhóm	3(2,1)	60	30	28	2
MH19	Tổ chức và phát triển cộng đồng	3(2,1)	60	30	28	2
MH20	Chính sách an sinh xã hội	3(3,0)	45	43	0	2
MH21	Phương pháp nghiên cứu công tác xã hội	3(2,1)	60	30	28	2
MH22	Công tác xã hội với trẻ em	3(2,1)	60	30	28	2
MH23	Công tác xã hội với người cao tuổi	3(2,1)	60	30	28	2
MH24	Công tác xã hội với người khuyết tật	3(2,1)	60	30	28	2
MH25	Thực tập nghề nghiệp (1)	2(0,2)	90	0	87	3
MH26	Thực tập nghề nghiệp (2)	3(0,3)	135	0	130	5
MH27	Thực tập nghề nghiệp (3)	3(0,3)	135	0	130	5
MH28	Thực tập cuối khóa	4(0,4)	180	0	180	0
	Môn học tự chọn	12(8,4)	240	120	112	8
	Nhóm môn tự chọn 1 (Chọn 1 trong 2 môn sau):	3(2,1)	60	30	28	2
MH29	Công tác xã hội trường học	3(2,1)	60	30	28	2
MH30	Công tác xã hội với người nghiện chất	3(2,1)	60	30	28	2
	Nhóm môn tự chọn 2 (Chọn 3 trong 5 môn sau):	9(6,3)	180	90	84	6
MH31	Công tác xã hội bệnh viện	3(2,1)	60	30	28	2
MH32	Công tác xã hội sức khỏe tâm thần	3(2,1)	60	30	28	2
MH33	Truyền thông thay đổi hành vi	3(2,1)	60	30	28	2
MH34	Công tác xã hội với người nhiễm HIV/AIDS	3(2,1)	60	30	28	2
MH35	Quản lý dự án phát triển cộng đồng	3(2,1)	60	30	28	2
TỔNG CỘNG		90 (55,35)	2055	823	1158	74

- * Sơ đồ mối liên hệ và tiến trình đào tạo các môn học (đính kèm)
- * Bảng ma trận môn học trước (đính kèm)
- * Bảng ma trận chuẩn đầu ra (đính kèm)
- * Bảng quy đổi môn học thay thế (đính kèm)

4. Hướng dẫn thực hiện chương trình

4.1. Tổ chức giảng dạy các môn học

- Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.
- Một tiết học trong nhà trường được tổ chức giảng dạy trong 45 phút; môn học có thời lượng ≤ 45 giờ thì có tối thiểu 03 giờ ôn tập và môn học có thời lượng > 45 giờ thì có tối thiểu 06 giờ ôn tập.
- Môn học Giáo dục thể chất 1 và Giáo dục thể chất 2 được bố trí giảng dạy trong học kỳ I và học kỳ II của năm đầu tiên khóa học.
- Môn học Giáo dục quốc phòng sẽ được bố trí vào thời điểm thích hợp theo thỏa thuận của nhà trường và đơn vị có chức năng đào tạo.
- Sinh viên phải đăng ký học các môn học: Thực hành nghề nghiệp 1, Thực hành nghề nghiệp 2 và Thực hành nghề nghiệp 3 và tích lũy tối thiểu trên 50 tín chỉ mới được đăng ký môn học Thực tập cuối khóa.
- Vào học kỳ đầu tiên của khóa học, nhà trường sẽ bố trí một tuần để sinh viên được đi kiến tập thực tế tại doanh nghiệp nhằm giúp cho sinh viên định hình với nghề nghiệp trong tương lai.

4.2. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra kết thúc môn học, mô đun:

- Thời gian kiểm tra kết thúc môn học được tổ chức sau khi kết thúc buổi học cuối cùng tối thiểu là 1 tuần sau khi người học đã được xét điều kiện dự thi theo quy định.
- Thời gian kiểm tra kết thúc môn học được tổ chức trong buổi học cuối cùng, giảng viên có trách nhiệm công bố kết quả xét điều kiện dự thi cho sinh viên trước tuần cuối cùng một tuần.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

TRƯỞNG KHOA



Trần Văn Tú

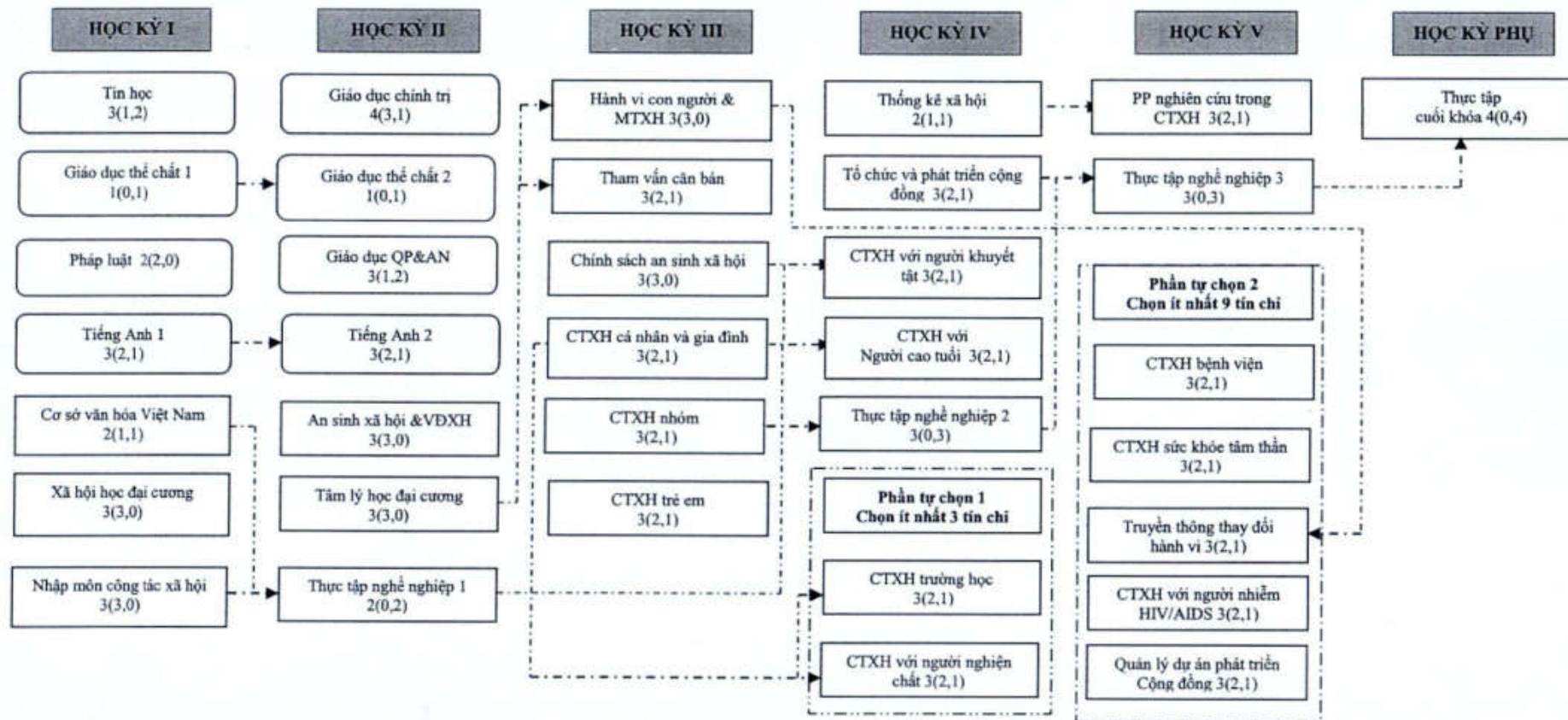
Hồ Nguyễn Cúc Phương

SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số 426/QĐ-CDKT ngày 15 tháng 9 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế TP. Hồ Chí Minh)

Tên ngành: Công tác xã hội

Mã ngành: 6760101



BẢNG MA TRẬN MÔN HỌC TRƯỚC

(Kèm theo quyết định số 426/QĐ-CDKT ngày 15 tháng 9 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế TP. Hồ Chí Minh)

Stt	Tên môn học	Tên môn học trước	Các nội dung liên quan	Ghi chú
1	Hành vi con người và môi trường xã hội	Tâm lý học đại cương	Chương 2: Hoạt động và giao tiếp Chương 3: Hoạt động của nhận thức Chương 6: Nhân cách	
2	Tham vấn căn bản	Tâm lý học đại cương	Chương 1: Nhập môn tâm lý Chương 2: Hoạt động và giao tiếp Chương 3: Hoạt động của nhận thức Chương 4: Tình cảm Chương 6: Nhân cách	
3	Phương pháp nghiên cứu trong công tác xã hội	Thống kê xã hội	Chương 2: Chọn mẫu và thang đo Chương 3: Thống kê mô tả	
4	Công tác xã hội cá nhân	Nhập môn công tác xã hội	Chương 2: Mục đích và chức năng của công tác xã hội và vai trò của nhân viên công tác xã hội Chương 3 Triết lý, giá trị, nguyên tắc đạo đức nghề Công tác xã hội Chương 4: Các phương pháp Công tác xã hội	
5	Thực tập nghề nghiệp 1	Nhập môn công tác xã hội	Chương 2: Mục đích và chức năng của công tác xã hội và vai trò của nhân viên công tác xã hội Chương 3 Triết lý, giá trị, nguyên tắc đạo đức nghề Công tác xã hội Chương 4: Các phương pháp Công tác xã hội	
6	Thực hành nghề nghiệp 2	Công tác xã hội cá nhân và gia đình	Chương 2: Tiến trình công tác xã hội cá nhân Chương 3: Một số lý thuyết ứng dụng Chương 4: Quản lý ca Chương 5: Một số kỹ năng và kỹ thuật trong thực hành công tác xã hội cá nhân và gia đình	
		Công tác xã hội nhóm	Chương 2: Các lý thuyết cơ bản về thực hành	

Stt	Tên môn học	Tên môn học trước	Các nội dung liên quan	Ghi chú
			công tác xã hội nhóm Chương 3: Tiến trình công tác xã hội nhóm Chương 4: Một số kỹ năng và kỹ thuật trong công tác xã hội nhóm	
		Thực tập nghề nghiệp 1	Phần 1. Hoạt động tại cơ sở đào tạo trước khi đi kiến tập Phần 2: Hoạt động tại cơ sở kiến tập	
7	Thực hành nghề nghiệp 3	Tổ chức và phát triển cộng đồng	Chương 2: Tiến trình tổ chức cộng đồng Chương 3: Sự tham gia của cộng đồng Chương 4: Tác viên cộng đồng Chương 5: Phương pháp sử dụng trong công tác xã hội cộng đồng	
		Thực tập nghề nghiệp 1	Phần 1. Hoạt động tại cơ sở đào tạo trước khi đi kiến tập Phần 2: Hoạt động tại cơ sở kiến tập	
		Thực tập nghề nghiệp 2	Phần 1. Tổng quan về cơ sở/tổ chức xã hội	
8	Truyền thông thay đổi hành vi	Hành vi con người và môi trường xã hội	Chương 1: Những vấn đề chung về hành vi con người và môi trường xã hội Chương 3: Các giai đoạn phát triển và mối quan hệ tương tác giữa hành vi con người và môi trường xã hội	
9	CTXH với người khuyết tật	Công tác xã hội cá nhân và gia đình	Chương 2: Tiến trình công tác xã hội cá nhân Chương 3: Một số lý thuyết ứng dụng Chương 4: Quản lý ca Chương 5: Một số kỹ năng và kỹ thuật trong thực hành công tác xã hội cá nhân và gia đình	
10	CTXH với người cao tuổi	Công tác xã hội cá nhân và gia đình	Chương 2: Tiến trình công tác xã hội cá nhân Chương 3: Một số lý thuyết ứng dụng Chương 4: Quản lý ca Chương 5: Một số kỹ năng và kỹ thuật trong	

Stt	Tên môn học	Tên môn học trước	Các nội dung liên quan	Ghi chú
			thực hành công tác xã hội cá nhân và gia đình	
11	CTXH trường học	Công tác xã hội cá nhân và gia đình	Chương 2: Tiến trình công tác xã hội cá nhân Chương 3: Một số lý thuyết ứng dụng Chương 4: Quản lý ca Chương 5: Một số kỹ năng và kỹ thuật trong thực hành công tác xã hội cá nhân và gia đình	
12	CTXH với người nghiện chất	Công tác xã hội cá nhân và gia đình	Chương 2: Tiến trình công tác xã hội cá nhân Chương 3: Một số lý thuyết ứng dụng Chương 4: Quản lý ca Chương 5: Một số kỹ năng và kỹ thuật trong thực hành công tác xã hội cá nhân và gia đình	
13	Thực tập cuối khóa	Phương pháp nghiên cứu trong công tác xã hội	Chương 2: Các bước tiến hành nghiên cứu trong công tác xã hội Chương 3: Một số kỹ thuật trong nghiên cứu công tác xã hội	
		Thực tập nghề nghiệp 3	Phần 2: Giáo dục cộng đồng	

BẢNG MA TRẬN CHUẨN ĐẦU RA

(Kèm theo quyết định số 426/QĐ-CDKT ngày 15 tháng 1 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế TP. Hồ Chí Minh)

1. Năng lực chuẩn đầu ra ngành Công tác xã hội

Ký hiệu	Chuẩn năng lực đầu ra
NL01:	Thể hiện phẩm chất chính trị, đạo đức, ý thức phục vụ nhân dân và trách nhiệm công dân trong lối sống và nghề nghiệp.
NL02:	Hiểu biết cơ bản về lý luận chính trị, quốc phòng an ninh, tâm lý học, xã hội học và pháp luật làm cơ sở cho việc tiếp thu các kiến thức và thực hành nghề công tác xã hội.
NL03:	Có kỹ năng giao tiếp ở các mặt trao đổi, trình bày, lắng nghe, soạn thảo văn bản hành chính và học thuật; đồng thời có khả năng hợp tác trong các nhóm làm việc có cùng chuyên môn hoặc đa ngành.
NL04:	Sử dụng tiếng Anh ở các hình thức giao tiếp khác nhau bao gồm nghe, nói, đọc hiểu và viết ở trình độ tương đương A2/bậc 2 (theo khung năng lực ngoại ngữ tiếng anh 06 bậc được Bộ giáo dục và đào)
NL05:	Sử dụng máy tính và các phần mềm thông dụng vào các công việc lưu trữ và tìm kiếm thông tin, soạn thảo văn bản, thiết kế trình chiếu, tính toán và giao tiếp đa phương tiện. (Đạt chứng chỉ CNTT cơ bản theo thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 quy định về chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin)
NL06:	Thể hiện hành vi mang tính đạo đức và chuyên nghiệp dựa trên hệ thống giá trị và quy điều đạo đức nghề công tác xã hội.
NL07:	Ứng xử hiệu quả đối với sự đa dạng và khác biệt của thân chủ trong môi trường xã hội của họ trong quá trình thực hành nghề công tác xã hội.
NL08:	Thực hành nghề công tác xã hội dựa trên cơ sở các bằng chứng nghiên cứu; đồng thời sử dụng kinh nghiệm thực hành nghề làm cơ sở cho các nghiên cứu về công tác xã hội.
NL09:	Thiết lập quan hệ với cá nhân, gia đình, nhóm và cộng đồng và thu hút sự tham gia của họ vào quá trình can thiệp.
NL10:	Đánh giá cá nhân, gia đình, nhóm và cộng đồng ở các mặt điểm mạnh, nhu cầu và thách thức; xây dựng các

Mã MH	Tên môn học	Chuẩn năng lực đầu ra													
		NL1	NL2	NL3	NL4	NL5	NL6	NL7	NL8	NL9	NL10	NL11	NL12	NL13	NL14
MH24	Công tác xã hội với người khuyết tật						x	x	x	x	x	x	x	x	x
MH25	Thực tập nghề nghiệp 1	x		x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	
MH26	Thực tập nghề nghiệp 2	x		x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	
MH27	Thực tập nghề nghiệp 3	x		x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	
MH28	Thực tập cuối khóa	x		x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	
MH29	Công tác xã hội trường học						x	x	x	x	x	x	x	x	x
MH30	Công tác xã hội với người nhiễm HIV/AIDS						x	x	x	x	x	x	x	x	x
MH31	Công tác xã hội bệnh viện						x	x	x	x	x	x	x	x	x
MH32	Công tác xã hội sức khỏe tâm thần						x	x	x	x	x	x	x	x	x
MH33	Công tác xã hội với người nhiễm HIV/AIDS						x	x	x	x	x	x	x	x	x
MH34	Quản lý dự án phát triển cộng đồng						x	x		x	x	x	x		
MH35	Truyền thông thay đổi hành vi						x	x	x						

BẢNG QUY ĐỔI MÔN HỌC THAY THẾ

(Kèm theo quyết định số 426/QĐ-CDKT ngày 15 tháng 9 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế TP. Hồ Chí Minh)

Stt	Mã MH (cũ)	Khóa	Tên môn học (cũ)	TC	Tên môn học (mới)	Mã MH (mới)	TC	Ghi chú
1	MH09	15,16	Pháp luật các vấn đề xã hội	2	An sinh xã hội và vấn đề xã hội	MH14	3	
2	MH13	15,16	An sinh xã hội	3	An sinh xã hội và vấn đề xã hội	MH14	3	
3	MH14	15,16	Chính sách xã hội	2	Chính sách an sinh xã hội	MH20	3	
4	MH27	15,16	Kỹ năng sống	3	Thực hành nghề nghiệp 1	MH25	2	
5	MH26	15,16	Tâm lý học phát triển	3	Hành vi con người và môi trường xã hội	MH13	3	
5	MH19	15,16	Công tác xã hội cá nhân	3	Công tác xã hội cá nhân và gia đình	MH17	3	
6	MH21	15,16	Phát triển cộng đồng	3	Tổ chức và phát triển cộng đồng	MH19	3	
7	MH24	15,16	Thực hành Công tác xã hội cá nhân và nhóm (thực hành 1)	4	Thực hành nghề nghiệp 2	MH26	3	
8	MH25	15,16	Thực hành Phát triển cộng đồng (thực hành 2)	3	Thực hành nghề nghiệp 3	MH27	3	
9	MH16	15,16	Truyền thông giáo dục	2	Truyền thông thay đổi hành vi	MH33	3	
10	MH22	15,16	Tham vấn trong công tác xã hội	3	Tham vấn căn bản	MH16	3	

Stt	Mã MH (cũ)	Khóa	Tên môn học (cũ)	TC	Tên môn học (mới)	Mã MH (mới)	TC	Ghi chú
11	MH35	15,16	Quản lý dự án xã hội	2	Quản lý dự án phát triển cộng đồng	MH35	3	
12	MH36	15,16	Sức khỏe cộng đồng	3	Công tác xã hội với sức khỏe tâm thần	MH32	3	